BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP. HCM

GIÁO TRÌNH:

KỸ NĂNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VIỆC LÀM

Tác giả:

1. TS. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (Chủ biên)
2. ThS. Phạm Thái Sơn
3. ThS. Hoàng Thị Thoa

TP.HCM 6/2018. Lưu hành nội bộ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn sinh viên thân mến!

Nghề nghiệp, việc làm đó luôn là vấn đề quan tâm, suy nghĩ hàng đầu của các bạn trẻ chuẩn bị quá trình tự lập, tự chịu trách nhiệm cho những vấn đề của bản thân mình.

Sự phát triển của xã hội mang lại cho người cuộc sống tốt hơn, nhiều cơ hội hơn. Ngày nay, các bạn trẻ không còn chật vật "chạy ăn từng bữa" như thời cha ông ở thế kỷ trước. Việc học đại học không còn quá khó khăn, to tát như trước, ra trường và tìm một công việc để tự nuôi sống bản thân được xem là hiển nhiên.

Tuy nhiên, để thành công, để thực hiện được ước mơ, để làm được điều mình thích thì không phải ai cũng đạt được. Thực tế không ít các bạn trẻ bước chân vào giảng đường đại học mà không xác định được mục tiêu nghề nghiệp, không hiểu được ngành nghề mình đang học. Để rồi khi tốt nghiệp, các bạn lại lúng túng khi tìm việc làm.

Chúng tôi mong muốn rằng với quyển giáo trình **KỸ NĂNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VIỆC LÀM** sẽ giúp các bạn trẻ tìm ra được còn đường phù hợp để phát triển bản thân, đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của xã hội.

Chúc các bạn thành công!

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2018

KỸ NĂNG HƯỚNG NGHIỆP VÀ CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VIỆC LÀM

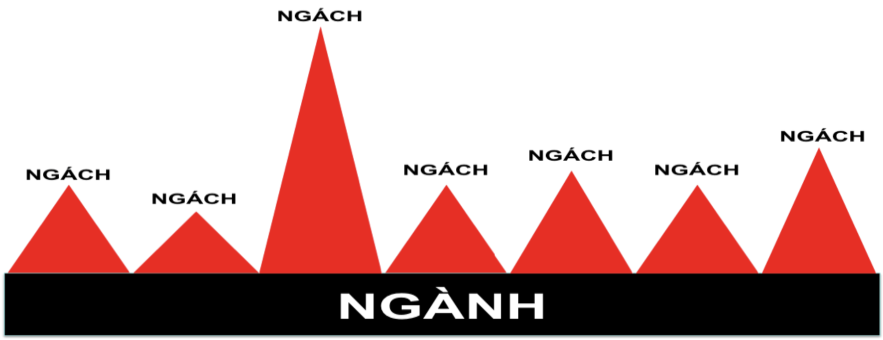
1. HƯỚNG NGHIỆP LÀ GÌ?

Hướng nghiệp là hoạt động chọn lựa nghề nghiệp phù hợp nhất với khả năng và nguyện vọng của cá nhân, đồng thời thỏa mãn nhu cầu nhân lực cho địa phương/ xã hội.

Hướng nghiệp không chỉ dành cho học sinh Trung học phổ thông mà sinh viên cũng cần phải xác định vị trí cụ thể mình nhắm tới khi ra trường.

Ví dụ: Quản trị kinh doanh chỉ là "ngành", phạm vi làm việc sau khi làm việc rất rộng. Nhiều sinh viên khi tốt nghiệp ngành này làm rất nhiều vị trí cụ thể khác nhau, gọi là các "ngách", hay còn gọi là "vị trí nghề" như: giám đốc điều hành, trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng marketing, quản lý thương hiệu, quản lý sản xuất, chuyên viên sales, chuyên viên quản lý dự án, chuyên viên chăm sóc khách hàng... Trong khi các "vị trí nghề" này rất khác nhau và cần có một lộ trình "cá biệt hoá" song song với lộ trình chung đã được nhà trường vạch sẵn.

Do đó, từ thời sinh viên, ngoài kiến thức nền của ngành mà bạn phải biết, bạn nên chuyên sâu vào một hoặc vài vị trí nghề nghiệp cụ thể nào đó để thật sự có "tay nghề cao" trong các vị trí này. Đó sẽ là lợi thế cạnh tranh của riêng bạn khi ra trường so với các bạn khác cùng thế hệ.



Sơ đồ: Minh hoạ ngành và ngách trong việc hướng nghiệp

** Lưu ý:*

Ngoài kiến thức và kỹ năng nền của ngành, bạn có thể chọn duy nhất 1 ngách để luyện sâu (một nghề cho chín còn hơn chín nghề).

Song song đó, trong xu thế tương lai, một số nghề riêng lẻ sẽ biến đổi thành nghề tích hợp nên sẽ đòi hỏi người lao động phải có "năng lực liên ngành". Nếu nghề bạn đang theo học thuộc nhóm nghề này, thì bạn cần chọn vài ngách (chứ không chỉ một) để luyện thành năng lực liên ngành.

Thông thường, kiến thức và kỹ năng chung (của ngành) được thể hiện qua chương trình đào tạo chung cho tất cả các sinh viên theo học ngành đó. Ngoài ra, kiến thức và kỹ năng của vị trí nghề nghiệp cụ thể (ngách) thì thường phải do sinh viên tự thiết kế cụ thể cho riêng mình.

2. VẤN ĐỀ CỦA SINH VIÊN KHI HƯỚNG NGHIỆP

Có một nguyên lý trong việc quản lý hiệu quả khi làm bất cứ việc gì, gọi là nguyên lý thùng gỗ.

Thùng gỗ do nhiều tấm ván ghép lại, nhưng quyết định lượng nước trong thùng lại không phải do tấm ván dài quyết định mà là do tấm ván ngắn nhất. Sinh viên thường vướng phải các "tấm ván ngắn nhất" sau đây khiến cho việc chuẩn bị hành trang việc làm gần như "đổ sông đổ biển":



a. Không quan tâm, không nghiêm túc trong việc định hướng nghề nghiệp sẽ làm sau khi ra trường. Từ đó, sẽ dẫn đến sinh viên "3 không":

- Không có mục tiêu nghề nghiệp, không biết mình ra trường sẽ làm vị trí cụ thể nào trong lĩnh vực ngành đang theo học.

- **Không có danh sách các tiêu chí yêu cầu của nghề nghiệp** mà mình cần phải đạt trước khi ra trường.

- **Không có lộ trình học tập khôn ngoan trong 4 năm đại học** để thoả mãn tất cả các tiêu chí yêu cầu nên trên. Đây là cái "không" nghiêm trọng nhất, vì học tập không có chiến lược thì khó mà đạt thành công trong nghề. Việc học diễn ra một cách thiếu tính toán, thiếu tập trung. Việc lựa chọn môn học thiếu chiến lược, chọn môi trường thực tập không theo chiến lược của bản thân, chọn đề tài nghiên cứu & đề tài tốt nghiệp cũng ngẫu nhiên, thiếu định hướng, chọn sách để đọc rất dàn trải hay không nghĩ đến việc tham dự các lớp bồi dưỡng nào thêm bên ngoài, việc đào tạo bản thân không tập trung vào một mũi nhọn chuyên môn/ một mục tiêu vị trí nghề nghiệp cụ thể nào cả. Từ đó, ra trường bị thiếu kỹ năng này, thiếu chuyên môn kia, thiếu chứng chỉ nọ và gấp gáp bổ sung hoặc phải đi học lại, doanh nghiệp phải đào tạo lại.

Nhiều sinh viên ngày nay ra trường rồi mới nghĩ đến việc làm nghề gì, xin việc gì, "rải hồ sơ" khắp nơi, ở đâu gọi thì đến phỏng vấn, rớt thì đi nơi khác, đậu thì đi làm thử, làm không hợp thì nghỉ. Do đó, cuộc đời cứ trôi dạt lông bông không có sự tập trung trên một con đường khôn ngoan để nhanh đến đích.

b. Không biết tiêu chí của một nghề nghiệp đúng. Từ đó, nhiều sinh viên hay chọn vị trí nghề nghiệp nào dễ "giàu" như: quản lý, kinh doanh... hoặc nhắm tới quá nhiều những vị trí mình cảm thấy thích hoặc hoang mang phân vân giữa quá nhiều lối đi mà không ra quyết định được nên chọn lối đi nào. Đây là những sinh viên thiếu mô hình chọn nghề hay cụ thể là không biết những tiêu chí nào để đưa ra thành một bộ khung "chấm điểm" các hướng đi.

c. Bỏ qua khâu khám phá ưu thế bản thân, chưa định vị được năng lực bản thân mà đã quyết định chọn nghề.

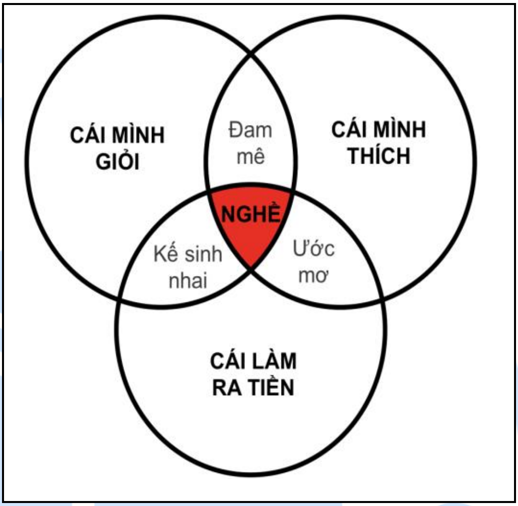
d. Chưa định hướng mục tiêu cuộc đời, không có ước mơ, không biết mình hứng thú gì. Chọn nghề là một bước đi lớn, tuy nhiên vẫn phải nằm trong con đường chiến lược chung của cả cuộc đời. *Ví dụ: nếu cuộc đời bạn thích tự do, nhưng chọn nghề lại chọn công việc ổn định, gắn liền với công sở, mang tính lặp đi lặp lại thì rất dễ tuột năng lượng và dễ bỏ nghề. Ngược lại, nếu thích cuộc đời ổn định nhàn hạ, nhưng lại chọn môi trường công việc phải đi nhiều, mạo hiểm, liên tục phải đổi mới, phải thử thách bản thân... thì sẽ vô cùng khổ sở.*

e. Chưa tìm hiểu kỹ nghề nghiệp (yêu cầu của nghề, thu nhập, nhu cầu xã hội, điều kiện tuyển dụng...) nhưng đã lựa chọn.

f. Mâu thuẫn với gia đình trong phương án chọn nghề, chọn theo ý muốn của cha mẹ.

3. BA TIÊU CHÍ CỦA MỘT NGHỀ NGHIỆP ĐÚNG

Muốn có một nghề nghiệp hợp lý nhất, phải thỏa mãn cả 3 tiêu chí chọn nghề như sau:



Một là cái mình giỏi. Đây có thể là thế mạnh chuyên môn do mình rèn luyện, hoặc năng khiếu sẵn có và được mài giũa thêm.

Hai là cái mình thích. Đây là cái mình hứng thú làm, mang đến cho mình niềm vui, sự "hưởng thụ" ngay trong quá trình làm việc, giúp mình không còn là làm việc mà thực sự là đang sống theo ý thích. Nhờ sự hứng thú này, mình có động lực để say mê theo đuổi thật sâu tạo ra các thành phẩm cực kỳ công phu. Nhờ sự hứng thú này, mình có động lực để sáng tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công việc. Nhờ sự hứng thú này, mình cảm thấy cuộc sống hạnh phúc khi đi làm, vui vẻ bước đến nơi làm việc.

Ba là cơ hội nghề nghiệp. Đây là công việc có nhiều cơ hội tìm việc hoặc có nhiều cơ hội để sinh viên tự tạo việc làm. Những ngành nghề xã hội cần lao động nên dễ có thu nhập tốt hoặc thu nhập ổn định.

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:

a. Bước 1:

Từ mô hình trên, bạn hãy liệt kê ra:

+ Những khả năng mình giỏi

+ Những điều mình thích trong công việc

+ Những nhu cầu mà thị trường đang cần

b. Bước 2:

Liệt kê ra tất cả những vị trí nghề có vẻ sẽ thoả mãn các tiêu chí bạn vừa liệt kê.

c. Bước 3:

Chấm điểm từng vị trí nghề theo các tiêu chí đó.

+ Mỗi tiêu chí có thang điểm từ 0 đến 10.

+ Tiêu chí nào quan trọng, bạn có thể nhân hệ số 1,5 hoặc hệ số 2 hoặc hệ số 3, tuỳ vào mức quan trọng của tiêu chí đó.

+ Tiêu chí nào kiên quyết phải có, hoặc tối thiểu phải từ 5 điểm trở lên, hoặc từ bao nhiêu điểm trở lên là tuỳ bạn.

d. Bước 4:

Tổng kết điểm của tất cả các vị trí nghề và chọn vị trí nghề nào cao điểm nhất.

----

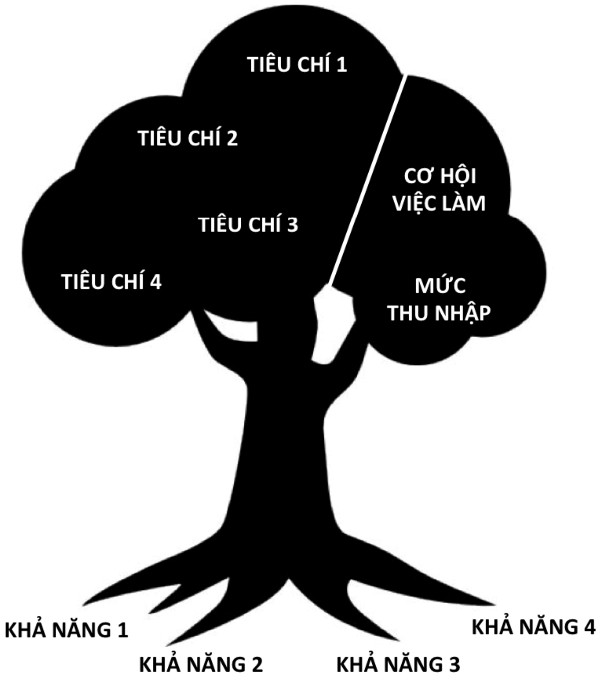
4. MÔ HÌNH "CÂY NGHỀ NGHIỆP"

Bạn có thể sáng tạo ra mô hình chọn lựa nghề nghiệp của riêng mình sao cho phù hợp với thực tế của mình nhất, với thang giá trị của mình nhất. Sau đây là một ví dụ về mô hình "CÂY NGHỀ NGHIỆP", ứng dụng cụ thể hoá từ 3 nhóm tiêu chí đã tìm hiểu ở trên:

+ Bên dưới các rễ cây là CÁI MÌNH GIỎI (các khả năng)

+ Bên trái tán lá là CÁI MÌNH THÍCH (các tiêu chí)

+ Bên phải tán là là CÁI LÀM RA TIỀN (nhu cầu của thị trường lao động/ cơ hội việc làm & mức thu nhập)



Sơ đồ: Mô hình cây nghề nghiệp

Ví dụ, một bạn sinh viên học chuyên ngành Quản trị kinh doanh (hoặc marketing, hoặc những ngành tương tự) tự phân tích cây nghề nghiệp của mình như sau:

a. Bước 1:

+ CÁI MÌNH GIỎI:

* Khả năng viết lách tốt (do ngày xưa học Văn giỏi, bài viết báo tường thường được khen, hay tham gia các cuộc thi viết và cũng có vài giải nho nhỏ, các bài viết trên facebook thường được nhiều người like & share)

* Nhiều ý tưởng (hay nghĩ ra các ý tưởng lạ, ý tưởng điên rồ không giống ai)

* Kiến thức marketing (do học ở trường và tự tìm hiểu sâu)

* Hiểu tâm lý (hiểu tâm lý sở thích của những người xung quanh, thường được khen là tâm lý)

+ **CÁI MÌNH THÍCH:**

* Làm việc trong lĩnh vực quảng cáo

* Thời gian tự do

* Công việc có thể tự động hoá để bản thân được tự do nhiều hơn, hoặc có thể tái sử dụng sản phẩm để không phải làm việc quá nhiều

* Được tự do sáng tạo theo ý tưởng của mình, không bị triệt tiêu sự sáng tạo trong những môi trường bảo thủ; hoặc ít nhất là có thể sáng tạo trong khuôn khổ không quá chật hẹp, chẳng hạn như sáng tạo theo tiêu chí do khách đặt hàng.

+ **CÁI LÀM RA TIỀN:**

* Lĩnh vực kinh doanh online đang "hot", chẳng hạn như thương mại điện tử, báo online, quảng cáo online...

* Thu nhập: Tối thiểu là 15 triệu/ tháng, mục tiêu lý tưởng là đạt 50 triệu/tháng.



Sơ đồ: Ví dụ về mô hình cây nghề nghiệp của một sinh viên đang học trong lĩnh vực kinh doanh

b. Bước 2:

Liệt kê ra tất cả những vị trí nghề có vẻ sẽ thoả mãn các tiêu chí vừa liệt kê:

+ Vị trí 1: Giám đốc một công ty quảng cáo (tự khởi nghiệp)

+ Vị trí 2: Trưởng phòng kinh doanh (điều hành chiến lược kinh doanh/ kế hoạch kinh doanh chung)

+ Vị trí 3: Chuyên viên quản lý thương hiệu/ hoặc brand manager (đi sâu về brand)

+ Vị trí 4: Chuyên viên tổ chức sự kiện (sâu vào mảng event)

+ Vị trí 5: Chuyên viên trong các phòng marketing truyền thống

+ Vị trí 6: Biên tập viên quảng cáo/ Copywriter chuyên viết kịch bản quảng cáo

+ Vị trí 7: Chuyên viên viết quảng cáo facebook & chạy quảng cáo trên công cụ facebook ads manager (theo dạng vừa làm cho một công ty quảng cáo – làm theo dự án, vừa nhận làm freelancer)

+ Vị trí 8: Chuyên viên quảng cáo google adwords

c. Bước 3:

Chấm điểm từng vị trí nghề theo các tiêu chí đó.

+ Vị trí 1: 70đ

+ Vị trí 2: 65đ

+ Vị trí 3: 60đ

+ Vị trí 4: 63đ

+ Vị trí 5: 71đ

+ Vị trí 6: 75đ

+ Vị trí 7: 83đ

+ Vị trí 8: 77đ

(Ghi chú: Số điểm trên là theo đánh giá chủ quan và theo cảm nhận chủ quan của riêng mỗi người. Ở sinh viên khác, kết quả tổng điểm có thể khác.)

d. Bước 4:

Chọn vị trí nghề nào cao điểm nhất:

Vị trí 7: Chuyên viên viết quảng cáo facebook & chạy quảng cáo trên công cụ facebook ads manager

Nếu kết quả vị trí 7 là vị trí nghề mà bạn sinh viên này thích nhất, có thể làm tốt và thoả mãn tiêu chí thu nhập thì bạn sẽ bắt đầu tìm hiểu 3 thứ rất quan trọng:

+ Một là danh sách các tiêu chí yêu cầu của nghề này (nghề này cần bạn phải có những kiến thức – kỹ năng – phẩm chất – bằng cấp – chứng chỉ - kinh nghiệm nào?)

+ Hai là lộ trình rèn luyện bản thân để trở thành một chuyên viên viết quảng cáo facebook chuyên nghiệp & chạy quảng cáo trên công cụ facebook ads manager chuyên nghiệp

----

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:

Hãy lập "Cây nghề nghiệp" để chọn lựa một vị trí công việc cụ thể sau khi ra trường.

----

5. QUY TRÌNH TỰ HƯỚNG NGHIỆP:

Từ các phân tích trên, có thể tóm tắt các việc cần làm để tự hướng nghiệp một cách hiệu quả cho bản thân như sau:



Sơ đồ: Quy trình các bước để tự hướng nghiệp

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:

a. Bổ sung những bước còn thiếu để đảm bảo vị trí nghề nghiệp bạn lựa chọn là gần như tối ưu cho bản thân bạn nhất.

b. Hãy lập lộ trình công danh để định hướng cho quá trình rèn luyện bản thân, chuẩn bị hành trang việc làm từ giờ cho đến sau khi ra trường.

----

6. MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG ĐỂ CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VIỆC LÀM

a. Ba mảng lớn cần rèn luyện để chuẩn bị hành trang:

Dù bạn chọn bất cứ nghề nghiệp nào đi chăng nữa, hành trang việc làm cũng cần phải có ba mảng lớn như sau:



Sơ đồ: Các mảng cần phải sẵn sàng trong hành trang việc làm của sinh viên

- Một là: Bạn phải giỏi CHUYÊN MÔN trong nghề nghiệp đó

- Hai là: Bạn phải có đủ KỸ NĂNG MỀM cần thiết trong quá trình làm việc

- Ba là: Bạn phải rèn luyện các THÁI ĐỘ làm việc sao cho chuyên nghiệp (hay còn gọi là cách phẩm chất nhân cách/ các tính cách)

Trong ba mảng trên, mảng thái độ là quan trọng nhất, quyết định đến hai mảng còn lại.

Ví dụ 1:

Trong quá trình học tập lẫn quá trình làm việc, nếu THÁI ĐỘ của bạn luôn là "hết mình": biểu hiện qua việc rất chăm học, chịu khó đọc sách, chịu khó tập nghiên cứu khoa học, thực tập hết mình, lăn xả ngoài thực tế,... khi còn học

đại học; khi đi làm thì chịu khó học hỏi các anh chị đi trước, học hỏi từ sếp, tự bồi dưỡng bằng các khoá đào tạo bổ sung, siêng năng dự các hội thảo cần thiết, lăn xả trong công việc để trưởng thành... thì bạn sẽ tự động GIỎI CHUYÊN MÔN và ĐỦ KỸ NĂNG MỀM.

Ví dụ 2:

Khi tuyển dụng, dù bạn có chuyên môn giỏi, kỹ năng tốt, tuy nhiên thái độ kiêu kỳ, khó chịu, đòi hỏi yêu sách quá đáng... thì nhà tuyển dụng cũng không bao giờ dám tuyển.

Ví dụ 3:

Khi làm việc, dù bạn có chuyên môn giỏi, kỹ năng tốt, tuy nhiên thái độ lười biếng, ngại khó, thiếu ý thức, văn hoá cá nhân không hoà nhập với văn hoá chung của doanh nghiệp, thiếu trung thực, trộm cắp dữ liệu hoặc tài sản của công ty... thì chắc chắn sẽ rất nhanh chóng bị đào thải ra khỏi doanh nghiệp đó.

BÀI TẬP ỨNG DỤNG:

Hãy cấu trúc lại lộ trình công danh của bạn theo 3 mảng trên để định hướng cho quá trình rèn luyện bản thân, chuẩn bị hành trang việc làm.

----

b. Các hoạt động rèn luyện 3 mảng lớn trong hành trang việc làm:

Sau đây là danh sách gợi ý 15 hoạt động thời sinh viên phải trải qua để rèn luyện bản thân đủ cả 3 mảng nêu trên:

CHUYÊN MÔN

1. Học đầy đủ
2. Thực hiện các dự án/ bài thuyết trình trên lớp/ bài tập nhóm
3. Tham gia hội thảo chuyên môn, thực tập chuyên ngành
4. Tham gia SV NCKH
5. Đọc sách chuyên ngành rộng & sâu
6. Học các chứng chỉ bổ sung: Anh văn, Tin học, chứng chỉ chuyên môn

KỸ NĂNG

7. Tham gia ban cán sự, BCH, BTC
8. Tham gia hoạt động Đoàn – Hội,
9. Tham gia các ngày hội, event
10. Tham gia các cuộc thi trong trường, cuộc thi ngoài trường
11. Học các lớp kỹ năng mềm
12. Hoạt động CLB

THÁI ĐỘ

13. Tham gia chiến dịch MHX
14. Làm tình nguyện viên cho trường/ tổ chức bên ngoài
15. Đi làm thêm

c. Lưu ý về phương pháp học đại học để chuẩn bị tốt cho hành trang việc làm:

- Sau đây là một số sự khác biệt chủ yếu khi học THPT và Đại học mà sinh viên cần biết để thay đổi tâm thế học tập của mình:

	THPT	ĐẠI HỌC
MỤC ĐÍCH	Học để biết	Học để **đi làm**
NỘI DUNG	Hầu hết nằm trong sách giáo khoa	1/3 kinh nghiệm từ **thầy** 1/3 trong các loại **sách** 1/3 trải nghiệm **thực tế**
PHƯƠNG PHÁP CHÍNH	Lên lớp nghe giảng	**Tự học** với sự định hướng của thầy cô
ĐÁNH GIÁ	Thầy cô đánh giá	**Tự đánh giá** là chủ yếu
GIẢNG VIÊN	Giáo viên gần như “chân lý”	Giảng viên chỉ là người **chỉ đường** & chưa chắc đúng
THÁI ĐỘ	Chủ động ít	Cực kỳ chủ động

Sơ đồ: So sánh một số điểm khác nhau giữa bậc THPT và bậc đại học

Trong đó, sinh viên cần nhớ, khi học đại học:

+ Học là để đi làm, vì vậy, học phải gắn liền với thực hành, làm bài tập, áp dụng vào thực tế, đi thực tập, đi làm thêm một số việc liên quan đến vị trí tương lai (thậm chí làm không công) để có cơ hội áp dụng những lý thuyết đã học vào thực tế.

+ Khi sang đại học, sinh viên phải chuyển từ "bộ rễ chùm" khá nông của thời THPT sang 3 chiếc "rễ cọc" cắm sâu vào 3 đối tượng để hút kinh nghiệm làm việc cho mình: Giảng viên – Sách – Thực tế. Ba nguồn trên là tương đương nhau, giảng viên sẽ đúc kết những kinh nghiệm tinh hoa để bạn rút ngắn quá trình mày mò học tập, sách sẽ mở rộng trí tuệ của bạn thông qua trí tuệ của người viết, thực tế là nơi bạn sẽ làm việc trong tương lai nên sẽ có những kinh nghiệm sát với thực tế nhất.

+ Bước sang thời đại học, giảng viên chỉ là phụ, tự học với lộ trình mình lập ra là chính. Do đó, lộ trình này cần lập một cách kỹ càng, khôn ngoan, có chiến lược, được thầy cô hướng dẫn, được những người hành nghề thực tế góp ý, phản biện.

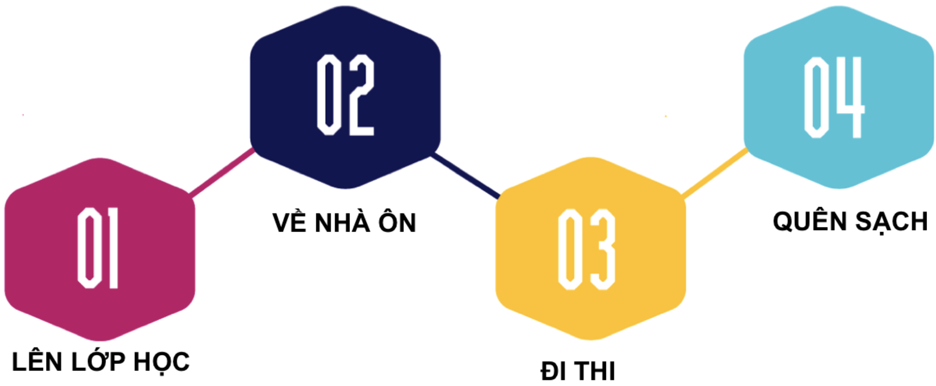
+ Các kỳ thi chỉ là dịp để bạn tự đánh giá lại xem mình đã đạt được mục tiêu của môn học hay chưa. Đừng xem điểm số là mục tiêu của việc học, chính kiến thức – thái độ - kỹ năng ẩn hàm trong môn học đó mới là mục tiêu thực sự.

+ Tóm lại, học đại học, bạn phải ở vai trò hoàn toàn chủ động:

1. Chủ động khám phá bản thân
2. Chủ động khám phá các vị trí nghề nghiệp
3. Chủ động chọn mục tiêu nghề nghiệp cụ thể
4. Chủ động tìm hiểu yêu cầu trong nghề đó
5. Chủ động lập lộ trình nghề nghiệp, trong đó có lộ trình học tập cho 4 năm đại học & lộ trình tự học để nâng cấp bản thân sau khi ra trường
6. Chủ động thực hiện lộ trình, kế hoạch đã lập
7. Chủ động kiểm tra đánh giá bản thân, chủ động bù khuyết

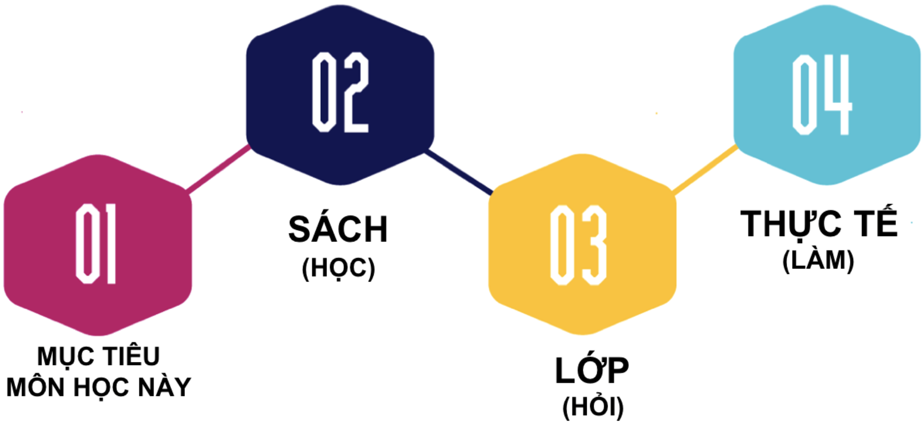
Chính bạn sẽ là người chịu trách nhiệm cho hành trang việc làm của chính mình, nghề nghiệp của chính mình, cuộc đời của chính mình chứ không phải là giảng viên.

- Sau đây là quy trình học tập của một sinh viên thất bại để bạn rút kinh nghiệm:



Sơ đồ: Các bước học tập của một sinh viên thất bại

- Sau đây là quy trình học tập của các sinh viên thành công để bạn tham khảo và tiến hành:



Sơ đồ: Các bước học tập của một sinh viên thành công

+ Bước 1: Tìm hiểu mục tiêu của môn học trước khi học môn đó. Bạn phải biết: Môn này học để làm gì? Môn này ứng dụng gì cho quá trình đi làm? Môn này tôi cần tiếp thu kiến thức nào – hình thành kỹ năng nào – rèn luyện thái độ nào?

+ Bước 2: Tìm các sách liên quan đến mục tiêu của môn học đó để đọc, đây mới là khâu học chính. Cuộc sống sinh viên của bạn phải trải qua đa phần ở thư viện.

+ Bước 3: Lên lớp nghe giảng, thực hành các bài tập giả định mô phỏng những bài tập bạn sẽ giải quyết thực tế trong quá trình đi làm. Lưu ý: khi lên lớp, phải đặt câu hỏi để khai thác kinh nghiệm của thầy cô, đừng chỉ nghe đơn thuần. Để có câu hỏi khai thác thầy cô, bạn phải tiến hành Bước 1 & Bước 2 từ trước thì trong kho nhận thức mới có dữ liệu hay thắc mắc để đặt câu hỏi.

+ Bước 4: Tìm cách để tiếp cận với thực tế càng sớm càng tốt, để trả lời 4 câu hỏi sau: "Thực tế nó ra sao? Có khớp với cái mình học không? Mình có thể áp dụng những điều đã học vào thực tế? Mình cần phải học thêm nội dung nào để thích nghi được với thực tế này khi ra trường?". Bạn có thể tham khảo các hình thức tiếp cận thực tế sau:

** Cách 1: Xin làm trợ lý (không công) cho một người đang hành nghề thực sự*

** Cách 2: Xin thực tập (không công) cho một cơ sở hành nghề/ công ty/ xí nghiệp*

** Cách 3: Đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài phải mang tính ứng dụng vào thực tiễn. Thông qua đề tài nghiên cứu, bạn có thể làm thực nghiệm trong phòng thí nghiệm, thử nghiệm ngoài thực tế, xin vào công ty/ xí nghiệp để tham quan khảo sát và nghiên cứu, phỏng vấn các chuyên gia trong nghề.*

+ Cách 4: Đi thực tập, thực tế theo kế hoạch và bố trí của trường.

+ Cách 5: Tham gia các hội thảo khoa học có những người đang hành nghề báo cáo.

THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG TRONG CÁCH MẠNG 4.0
&
DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC CÁC NGÀNH TRỌNG ĐIỂM
Giai đoạn 2018 - 2020 đến 2025

1. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG HỘI NHẬP TIẾN ĐẾN CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ 4

1.1. Thị trường lao động và hội nhập

Việt Nam đang trong thời kỳ của hội nhập quốc tế thông qua sự hình thành của Cộng đồng ASEAN và các Hiệp định tự do thương mại thế hệ mới. Có được các kiến thức nghề nghiệp và kỹ năng phù hợp, có nghĩa là Việt Nam sẽ đáp ứng tốt và hưởng lợi từ việc phát triển và sẽ là nơi hấp dẫn cho các doanh nghiệp từ khắp nơi trên thế giới đến đầu tư. Việc không ngừng đổi mới giáo dục và dạy nghề là mục tiêu quan trọng của Chiến lược phát triển kinh tế xã hội Quốc gia, yêu cầu cải tiến chất lượng lực lượng lao động sẽ là mấu chốt để tiếp tục hiện đại hóa nền kinh tế và phát triển bền vững tại Việt Nam.

Với những cơ hội phát triển kinh tế được mở ra từ việc hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế, khi ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do và tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), nhu cầu nhân lực của Việt Nam được dự báo sẽ tăng mạnh.

Theo dự báo của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO), Việt Nam sẽ có khả năng tạo thêm được 6 triệu việc làm, tương đương với 1/10 số việc làm tăng thêm đến năm 2025 của toàn bộ khối ASEAN do tác động từ việc hình thành AEC. Khi tham gia AEC, số việc làm của Việt Nam sẽ tăng 14,5% vào năm 2025. Trong giai đoạn 2016 - 2025, nhu cầu tuyển dụng nhân sự hình thành 03 cấp nhân lực: chuyên môn kỹ thuật bậc cao (tăng 41% - 14 triệu chỗ làm việc), chuyên môn kỹ thuật bậc trung (tăng 22% - 38 triệu chỗ làm việc), chuyên môn kỹ thuật bậc thấp (tăng 24% - 12,4 triệu chỗ làm việc).

Theo thỏa thuận trong khuôn khổ Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), có 08 ngành nghề mà lao động có kỹ năng tay nghề cao được phép di chuyển trong được 10 nước ASEAN thống nhất công nhận giá trị tương đương của chứng chỉ đào tạo của các nước thành viên là dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ điều dưỡng, kiến trúc, giám sát thi công, kế toán, bác sĩ, nha sĩ, du lịch.

1.2. Thị trường lao động tiến đến cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0)

Theo các tài liệu được tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) công bố và theo tư liệu nghiên cứu của các chuyên gia kinh tế từ các hội thảo được công bố vào năm 2017 - 2018 cho thấy: Trong Cách mạng công nghiệp 4.0, viễn cảnh các nhà máy thông minh - trong đó các máy móc được kết nối Internet và liên kết

với nhau qua một hệ thống, có thể tự hình dung toàn bộ quy trình sản xuất rồi đưa ra quyết định - có vẻ không còn xa xôi nữa.

Cách mạng công nghiệp 4.0 làm gia tăng nguy cơ mất việc làm, thất nghiệp, nhiều ngành đối mặt thách thức lớn do cạnh tranh khốc liệt. Đã có cảnh báo về việc Việt Nam sẽ mất 5 triệu việc làm vào năm 2020 vì chất lượng nhân lực chỉ đạt 3,79 điểm (thang điểm 10); đứng thứ 11/12 nước ở châu Á tham gia xếp hạng và số cạnh tranh nhân lực 4,3/10 điểm. Ngoài ra, các chỉ số khác cũng rất thấp như năng lực cạnh tranh 4,3/10, xếp hạng 56/133 nước; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ trong năm 2015 chỉ đạt 20,3%. Nhân lực Việt Nam còn thiếu kỹ năng mềm như ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, tác phong công nghiệp và tránh nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

Trong hai thập kỷ tới, khoảng 56% số người lao động tại 05 quốc gia Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, có nguy cơ mất việc vì robot, đặc biệt là ngành may mặc. Đó là kết quả của một nghiên cứu do Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) công bố mới đây. Nghiên cứu của ILO chỉ ra riêng dệt may, da giày hiện đang là các ngành thâm dụng lao động nhiều nhất tại các quốc gia như Indonesia, Việt Nam và Campuchia, trong đó 86% công nhân ngành dệt may của Việt Nam, 64% của Indonesia và 88% công nhân của Campuchia sẽ phải đối mặt với nguy cơ mất việc làm của xu hướng tự động hóa.

Một số ngành khác như lái xe, công nhân xây dựng, công nhân chế biến, kỹ thuật cơ giới… có thể thấy tương lai nhân lực robot sẽ dần thay thế đa số những việc làm của người lao động giản đơn, sản xuất tập trung theo dây chuyền trong các nhà máy công nghiệp.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra trên toàn thế giới, với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đang thật sự là mối đe dọa cho dự đoán, phần mất đi này sẽ được bù đắp một phần nhờ 2,1 triệu việc làm khác được tạo ra chủ yếu ở ngành máy tính, toán học hay kiến trúc và kỹ thuật".

Theo phân tích "cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư" dẫn đến tổn thất việc làm do sự phát triển vượt bậc trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ nano, in ấn 3D, di truyền học và công nghệ sinh học. Chúng dẫn đến sự rối loạn không chỉ trong môi trường kinh doanh mà còn ở thị trường lao động vì cần các kỹ năng mới đáp ứng điều kiện mới.

Ngoài ra, khảo sát cho thấy lĩnh vực được xác định sẽ tăng nhu cầu lao động là phân tích dữ liệu, bán hàng chuyên nghiệp và loại nguồn nhân lực mới cũng như các chuyên gia liên quan đến vật liệu, hóa sinh, công nghệ nano và robot.

Còn các lĩnh vực chịu thất nghiệp dự kiến là chăm sóc sức khỏe, năng lượng, dịch vụ tài chính, đầu tư sản xuất, đặc biệt là những lao động kỹ năng thấp.

Nhưng để tận dụng các cơ hội và bắt kịp Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0, nhiều chuyên gia cho rằng Việt Nam cần phải bắt đầu ngay từ những việc đơn giản nhất, thiết yếu và bền vững nhất là phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao.

Có thể thấy các khái niệm công nghệ gần đây như điện toán đám mây, công nghiệp 4.0, in 3D, hay tự động hóa,... đã mang đến những thay đổi và định hướng mới không chỉ đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh mà trong cả việc giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam.

Thói quen sính bằng cấp chọn trường uy tín để học hay bảng điểm cao sẽ bị thay đổi trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đang diễn ra trên toàn cầu.

Đặc điểm của cách mạng công nghệ 4.0 là tốc độ thay đổi nhanh chóng, kết hợp nhiều công nghệ khác nhau, tác động sâu rộng tới mọi mặt cuộc sống. Kết nối, chia sẻ và dữ liệu là rất quan trọng. Cách mạng công nghệ 4.0 có tác động tích cực về lâu dài nhưng trong ngắn hạn có những tác động tiêu cực.

Cơ hội đối với doanh nghiệp từ cuộc cách mạng này là rất lớn, giúp giảm chi phí giao dịch và quản lý (80 - 90% theo Mckinsey &Co); ứng dụng công nghệ hiện đại hỗ trợ phát triển sản phẩm dịch vụ mới trong quản trị điều hành, hoạch định chiến lược, tăng năng suất lao động; tăng khả năng tiếp cận thông tin, dữ liệu, kết nối, hợp tác; tăng cơ hội kinh doanh mới (dựa trên công nghệ số như thương mại điện tử, tài chính số…); tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực, tham gia hệ sinh thái điện tử kết hợp tài chính, y tế, bảo hiểm, du lịch, giáo dục, thương mại và kinh doanh bất động sản,…

Tuy nhiên cũng tạo ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp như thay đổi mô hình sản xuất - kinh doanh, mô hình tổ chức, mô thức quản trị, văn hóa kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, yêu cầu các doanh nghiệp phải có chiến lược quản lý sự thay đổi. Những thách thức này đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi và đầu tư lớn cho hệ thống công nghệ thông tin, yêu cầu nguồn vốn đầu tư và giải pháp đầu tư tối ưu.

Thách thức mà các doanh nghiệp cũng phải đối phó là về nguồn nhân lực đó là cắt giảm và sàng lọc nhân sự, nhân lực chất lượng cao, chuyên gia công nghệ thông tin thiếu và yếu, dịch chuyển lao động lớn và nhanh hơn, thách thức về hiện tượng trì trệ tiền lương, tức là doanh nghiệp yêu cầu người lao động nhiều thay đổi.

Để ứng dụng công nghệ mới, tự động hóa vào hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả, các doanh nghiệp buộc phải tìm kiếm nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn và kỹ năng làm việc, đặc biệt là các vị trí có liên quan trực tiếp đến sản phẩm dịch vụ như nghiên cứu phát triển, thiết kế sản xuất sản phẩm. Điều đó tạo nên sức ép đồng thời cũng là cơ hội đối với các trường đào tạo và nhân lực Việt Nam trong tương lai gần.

Như vậy cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 đều do con người làm ra và quyết định. Kể cả Robot thông minh đến mấy, được trang bị trí tuệ nhân tạo bao nhiêu thì con người là cốt lõi, không thể thay thế được. Vì vậy, người lao động buộc phải trang bị cho mình những kiến thức, kĩ năng mới, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ 4.0 trong đó đặc biệt chuyên ngành công nghệ thông tin.

1.3. Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xu hướng việc làm

Thực trạng thị trường lao động đang tồn tại nghịch lý rất thừa lao động nhưng lại thiếu nhân lực có trình độ cao cho những ngành nghề nằm trong định hướng phát triển. Trong quá trình hội nhập, doanh nghiệp có xu hướng tuyển dụng không quá chú trọng bằng cấp. Bằng cấp cao không phải là yếu tố quyết định trong chuyện dễ hay khó xin việc, nhân lực phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, đảm bảo kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghề mới là yếu tố chính đưa người lao động đến với thành công.

Lao động chuyên môn kỹ thuật có tay nghề hiện đang rất thiếu, doanh nghiệp muốn tuyển mà không có. Tuy vậy, phần lớn học sinh – sinh viên tốt nghiệp đều không đáp ứng được ngay yêu cầu công việc, kỹ năng thực hành và còn yếu và thiếu những kiến thức kỹ năng mềm, khoảng cách giữa học lý thuyết và thực tế công việc còn lớn.

Bối cảnh của năm 2018, có thể mở ra một hướng nhìn hiện nay và những năm sắp tới. Bằng cấp cao không phải là yếu tố quyết định trong chuyện dễ hay khó xin việc, nhân lực phù hợp với yêu cầu tuyển dụng, đảm bảo kiến thức chuyên môn và kĩ năng nghề mới là yếu tố chính đưa người lao động đến với thành công.

Với những yếu tố này, chắc chắn thị trường lao động Việt Nam sẽ có những chuyển biến lớn với việc gia tăng rất nhiều cơ hội việc làm cho người lao động.

Hãy có cách nhìn về thị trường lao động mở với 05 xu hướng việc làm:

1- Các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế;

2- Khu vực kinh tế phi chính thức (lao động tự do các nhóm ngành dịch vụ, phục vụ và tiểu thủ công nghiệp);

3- Xuất khẩu lao động làm việc ở nước ngoài ;

4- Di chuyển lao động theo nhu cầu thị trường lao động các tỉnh thành, khu vực kinh tế và quốc gia và hội nhập;

5- Khởi nghiệp và tự tạo việc làm.

2. NHU CẦU NHÂN LỰC CÁC NGÀNH TRỌNG ĐIỂM

Trong Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 Chính phủ đã xác định 3 nhóm ngành công nghiệp lựa chọn ưu tiên phát triển, gồm: Công nghiệp chế biến chế tạo, Ngành Điện tử và viễn thông, Năng lượng mới và năng lượng tái tạo.

Quy hoạch đề ra mục tiêu, định hướng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Quy hoạch **tập trung vào 10 ngành công nghiệp chủ yếu như: ngành cơ khí - luyện kim; ngành hóa chất; ngành điện tử, công nghệ thông tin; ngành dệt may-da giày; ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống; ngành sản xuất vật liệu xây dựng; ngành khai thác và chế biến khoáng sản; ngành điện; ngành than; ngành dầu khí.** Quy hoạch giai đoạn đến năm 2035 định hướng phát triển công nghiệp hỗ trợ tập trung vào 3 ngành gồm cơ khí - luyện kim; điện tử - tin học, dệt may - da giày.

Quy hoạch phân bố theo không gian vùng lãnh thổ chia theo 5 vùng, trong đó xác định: Vùng Trung du miền núi phía Bắc tập trung phát triển các ngành khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến nông, lâm sản, công nghiệp thủy điện, một số dự án luyện kim. Vùng đồng bằng sông Hồng phát triển công nghiệp cơ khí, luyện kim, hóa chất, nhiệt điện, công nghiệp công nghệ cao; Phát triển có chọn lọc công nghiệp hỗ trợ sản xuất linh kiện cơ khí, ô tô, xe máy, linh kiện điện tử. Vùng Duyên hải miền Trung (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung) phát triển các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến hải sản, cơ khí đóng tàu, luyện kim và các ngành công nghiệp gắn với lợi thế vận tải biển. Vùng Tây Nguyên phát triển công nghiệp chế biến cây công nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Vùng Đông Nam bộ (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam), phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, dầu khí và các chế phẩm hóa dầu, hóa chất, công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao; nghiên cứu phát triển công nghiệp

phụ trợ. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (trong đó có vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long), tập trung phát triển các ngành chế biến nông sản, thủy hải sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí phục vụ nông nghiệp, đóng và sửa chữa các loại phương tiện đánh bắt xa bờ.

Vùng Đông Nam bộ mà hạt nhân là thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm dịch vụ tầm cỡ khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế; là trung tâm giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời là trung tâm chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ hàng đầu của cả nước.

2. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm 8 tỉnh, thành phố: thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Tiền Giang. Theo Quy hoạch vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến 2020, định hướng 2030 được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt tại Quyết định số 252/QĐ-TT ngày 13.2.2014 đã xác định Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; là vùng duy nhất hiện nay hội tụ đủ các điều kiện và lợi thế để phát triển công nghiệp, dịch vụ, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng.

Theo Quy hoạch kinh tế - xã hội và Quy hoạch nhân lực của 08 tỉnh, thành phố vùng KTTĐPN giai đoạn 2016 – 2020, tổng số nhu cầu nhân lực là 640.000 chỗ làm việc/năm (trong đó chỗ làm việc mới chiếm tỷ trọng bình quân 50%)

3. Vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long còn gọi là Tây Nam Bộ có TP. Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.Trong giai đoạn 2016-2020, khu vực đồng bằng Sông Cửu Long định hướng phát triển nhân lực và đào tạo các ngành kinh tế kỹ thuật: công nghệ thông tin, công nghệ chế biến, công nghệ xây dựng, cầu đường, giao thông, cấp thoát nước, công nghệ vật liệu, công nghệ sinh học, công nghệ hóa, năng lượng, cơ khí chế tạo, quy hoạch và quản lý đô thị, tài chính, thương mại, ngân hàng, luật pháp, quản lý và hội nhập quốc tế để phần nào đáp ứng những nhu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Dự báo nhu cầu nhân lực khu vực đồng bằng Sông Cửu Long khoảng 300.000 – 350.000 người/năm.

Đồng bằng sông Cửu Long hiện là vựa lúa của cả nước; nông nghiệp, thủy sản là những ngành nghề chính, nhưng hiện nay tỷ lệ sinh viên đại học cao

đẳng và học viên trung cấp,sơ cấp theo học những ngành nông, lâm, thủy sản ....trong vùng lại quá thấp.

3. DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020 ĐẾN 2025

Căn cứ vào số liệu thống kê từ các nguồn và số liệu khảo sát và ứng dụng phương pháp hệ số co giãn việc làm kết hợp với phương pháp kinh tế lượng cùng phương pháp chuyên gia, Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TPHCM dự báo về nhu cầu nhân lực thành phố giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025 như sau:

Giai đoạn 2018 – 2020, tổng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế thành phố tăng trung bình 2,1% một năm từ mức 4.346 nghìn người năm 2016 lên khoảng 4.611 nghìn người vào năm 2020. Giai đoạn 2021 – 2025, tổng nhu cầu nhân lực tăng trung bình 3% một năm, lên khoảng 5.345 nghìn người vào năm 2025.

Theo định hướng đến năm 2025, thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục thực hiện chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ của khu vực Đông Nam Á. Cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng giảm dần tỉ trọng khu vực nông nghiệp và tăng dần tỉ trọng khu vực dịch vụ, nhu cầu nhân lực giữa các khu vực cũng có sự dịch chuyển. Đến năm 2018, 2020 và 2025, cơ cấu kinh tế thành phố Hồ Chí Minh lần lượt là: Dịch vụ (65,19% - 65,68% - 67,84%) – công nghiệp, xây dựng (32,70% - 32,40% - 30,73%) và nông nghiệp (2,11% - 1,92% - 1,43%).

Trong tổng nhu cầu nhân lực, 04 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu chiếm tỷ trọng 19%, 09 nhóm ngành kinh tế dịch vụ chiếm tỷ trọng 45%, các ngành nghề khác chiếm tỷ trọng 36%.

Trong tổng nhu cầu nhân lực qua đào tạo, nhóm ngành nghề Kỹ thuật công nghệ chiếm tỷ trọng 35%, nhóm ngành Kinh tế - Tài chính – Ngân hàng – Pháp luật – Hành chính chiếm tỷ trọng 33%, nhóm ngành khoa học tự nhiên chiếm tỷ trọng 7%, các nhóm ngành khác chiếm tỷ trọng 3 - 5%.

Trong giai đoạn 2018 - 2020 đến năm 2025, nhu cầu nhân lực tại thành phố Hồ Chí Minh dự báo bình quân mỗi năm có khoảng 300.000 chỗ làm việc (150.000 chỗ làm việc mới). Trong đó nhu cầu nhân lực qua đào tạo bình quân chiếm 85%, nhu cầu nhân lực bình quân có trình độ trung cấp chiếm tỉ lệ cao nhất 33%, sơ cấp nghề và công nhân kỹ thuật chiếm 18%, trình độ cao đẳng chiếm 16%, trình độ đại học chiếm 17%, trên đại học chiếm 2%.

Biểu 1: *Nhu cầu nhân lực phân theo ngành kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025*

STT	**Ngành kinh tế**	**Tỉ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%)**	**Số chỗ làm việc (Người/ năm)**
1	Nông nghiệp	2	6.000
2	Công nghiệp - Xây dựng	28	84.000
3	Dịch vụ	70	210.000
Tổng nhu cầu nhân lực bình quân hàng năm		**100**	**300.000**

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 2: *Nhu cầu nhân lực phân theo loại hình kinh tế tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025*

STT	**Loại hình**	**Tỉ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%)**	**Số chỗ làm việc (Người/năm)**
1	Nhà nước	5	15.000
2	Ngoài nhà nước	64	192.000
3	Có vốn đầu tư nước ngoài	31	93.000

Tổng nhu cầu nhân lực bình quân hàng năm	**100**	**300.000**

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 3: *Nhu cầu nhân lực 04 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu tại*

TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025

STT	**Ngành nghề**	**Tỉ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%)**	**Số chỗ làm việc (Người/ năm)**
1	Cơ khí	5	15.000
2	Điện tử - Công nghệ thông tin	8	24.000
3	Chế biến lương thực thực phẩm	4	12.000
4	Hóa chất – Nhựa cao su	4	12.000
Tổng nhu cầu nhân lực 04 ngành công nghiệp trọng yếu hàng năm		**21**	**63.000**

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 4: *Nhu cầu nhân lực 09 nhóm ngành dịch vụ tại TP. Hồ Chí Minh*

giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025

STT	**Ngành nghề**	**Tỉ lệ ngành**	**Số chỗ làm việc**

		nghề so với tổng số việc làm (%)	(Người/ năm)
1	Tài chính – Tín dụng – Ngân hàng – Bảo hiểm	5	15.000
2	Giáo dục – Đào tạo	6	18.000
3	Du lịch	9	27.000
4	Y tế	5	15.000
5	Kinh doanh tài sản – Bất động sản	4	12.000
6	Dịch vụ tư vân, khoa học – công nghệ, nghiên cứu và triển khai	3	9.000
7	Thương mại	13	39.000
8	Dịch vụ vận tải – Kho bãi – Dịch vụ cảng	5	15.000
9	Dịch vụ bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin	5	15.000
Tổng nhu cầu nhân lực 09 nhóm ngành dịch vụ		**165.000**	

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 5: *Nhu cầu nhân lực ngành nghề khác thu hút nhiều lao động tại*

TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025

STT	Ngành nghề	Tỉ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%)	Số chỗ làm việc (Người/ năm)
1	Truyền thông - Quảng cáo - Marketing	8	24.000

2	Dịch vụ phục vụ	9	27.000
3	Dệt may - Giày da - Thủ công mỹ nghệ	10	30.000
4	Quản lý - Hành chính - Nhân sự	4	12.000
5	Kiến trúc - Xây dựng - Môi trường	5	15.000
6	Công nghệ - Nông lâm	4	12.000
7	Khoa học - Xã hội - Nhân văn	3	9.000
8	Ngành nghề khác	3	9.000
Tổng nhu cầu nhân lực ngành nghề thu hút nhiều lao động		**46**	**138.000**

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 6: *Nhu cầu nhân lực qua đào tạo phân theo 08 nhóm ngành tại TP.Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025*

STT	Nhóm ngành	Tỉ lệ ngành nghề so với tổng số việc làm (%)	Số chỗ làm việc (Người/ năm)
1	Kỹ thuật công nghệ	35	89.250

2	Khoa học tự nhiên	7	17.850
3	Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng - Pháp luật - Hành chính	33	84.150
4	Khoa học xã hội - Nhân văn - Du lịch	8	20.400
5	Sư phạm - Quản lý giáo dục	5	12.750
6	Y - Dược	5	12.750
7	Nông – Lâm – Thủy sản	3	7.650
8	Nghệ thuật - Thể dục - Thể thao	4	10.200
Tổng nhu cầu nhân lực bình quân		**255.000**	

Ghi chú: *Tổng số 255.000 chỗ làm việc tính trên nhu cầu nhân lực qua đào tạo có trình độ Sơ cấp nghề – Trung cấp – Cao đẳng – Đại học*

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Biểu 7: *Nhu cầu nhân lực theo trình độ nghề tại TP. Hồ Chí Minh giai đoạn 2018 – 2020 đến năm 2025*

STT	**Trình độ nghề**	**2018 - 2020**		**2021 - 2015**	
		Tỉ lệ so với tổng số việc làm trống (%)	**Số chỗ làm việc (Người/năm)**	**Tỉ lệ so với tổng số việc làm trống (%)**	**Số chỗ làm việc (Người/năm)**

1	Trên đại học	2	6.000	2	6.000
2	Đại học	15	45.000	18	54.000
3	Cao đẳng	16	48.000	16	48.000
4	Trung cấp	27	81.000	28	84.000
5	Sơ cấp nghề	20	60.000	21	63.000
6	Lao động chưa qua đào tạo	20	60.000	15	45.000
Tổng số nhu cầu về trình độ nghề bình quân hàng năm		**100**	**300.000**	**100**	**300.000**

Nguồn: Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. Hồ Chí Minh

Các nhóm ngành mới xuất hiện trong giai đoạn 2018 – 2020 đến 2025 đều chú trọng đến tính chuyên sâu, đó là sự kết hợp giữa hai hay nhiều nhóm ngành cũ với nhau trên cơ sở cải tiến, nâng cao chất lượng trong đào tạo, kết hợp rèn luyện tay nghề. Các nhóm ngành này chú trọng đến khả năng ứng dụng vào trong thực tiễn hơn là mang tính học thuật. Nguồn nhân lực làm việc trong các nhóm ngành này đa số là nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, được đào tạo chuyên sâu, có kiến thức và được rèn luyện kỹ năng tốt, có trình độ ngoại ngữ.

Trần Anh Tuấn

(Phó Giám đốc Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động Tp.HCM - năm 2018)